

23年11月15日积累与默写13课精卫填海

xián	jiē	xián	jiē	xián	jiē						
衔	接	衔	接	衔	接						

liú	lián	wàng	fǎn	liú	lián	wàng	fǎn	liú	lián	wàng	fǎn
流	连	忘	返	流	连	忘	返	流	连	忘	返

jūn	xián	jūn	xián	jūn	xián						
军	衔	军	衔	军	衔						

zhèng	fǎn	zhèng	fǎn	zhèng	fǎn						
正	反	正	反	正	反						

hēi	bǎn	hēi	bǎn	hēi	bǎn						
黑	板	黑	板	黑	板						

yàn	zǐ	xián	ní	yàn	zǐ	xián	ní	yàn	zǐ	xián	ní
燕	子	衔	泥	燕	子	衔	泥	燕	子	衔	泥

tóu	xián	tóu	xián	tóu	xián						
头	衔	头	衔	头	衔						

nì	shuǐ	nì	shuǐ	nì	shuǐ						
溺	水	溺	水	溺	水						

